SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL



Medium

JUSTIN 01

Sneaker th ể **thao sành** điệu **cho chàng**

Giày JUSTIN th g **có** khả **năng** bảo v ệ **ESD,** t ấm **lót chân có** ố i thiện **thoáng** t ư th ế **và** độ **bám** chắc chắn .

Những vật liệu **cao** cấp hơn	Lorica
lót bên trong i **tái** chế	lưới
Đ ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)	
Đ	PU/Cao su
Loạ	01 / SR, FO, HRO, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 39-47 / UK 6.0-12.0 / US 6.5-13.0 JPN 25-31 / KOR 255-310
thép	0.385 kg
hóa chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024

CO2 6.30 kg



NAV



LGR



X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm soát có thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và **ngăn** ngừa sự bắt lửa **do tích** điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót giày** thường xuyên **bằng** miếng **lót giày** chỉnh hình



SJ BỘ
ấm **lót chân** chống tĩnh điện có thể tháo rời
văn, dẫn hướng **và** hấp thụ sốc
ót chân và bàn **thoáng** khí và hút ẩm.

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố ạch g, **Làm** s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
r ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t **giày**, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên** và bảo v ệ chúng **cách** hàn **Không** lò s

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn		
Top: khả năng **mài** mòn	? 0.8	1.1 ời mg/cm/g
Top: h nuệ số ơ	? 15	17.0 mg/cm2
ót bên trong i **tái** th ế ó		
L ớp **lót**: **mài** mòn	? 2	35.6 ời mg/cm/g
lót: h nuệ số ơ	? 20	284.9 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)		
ệ m chân Đ ch ố n g **mài** mòn (khô/ ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ **PU/Cao su**		
Ch ố **mài** mòn ế ngoài (	? 150	125 mm
a đế **ngoài** **SRA** gót chân	? 0.28	0.44 ma sát
a đế **ngoài** **SRA** Phầ t g	? 0.32	0.48 ma sát
a đế **ngoài** **SRB** gót chân	? 0.13	0.16 ma sát
ộc đế **ngoài** **SRB** phần g	? 0.18	0.20 ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	71 megaohm
Hấp thụ năng l g gót chân ủ	? 20	40 J

kích thước thép: 42

a chúng tôi **Không** có **Safety** thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ờn g q
i **CO2** **hát** thả	
V ật l iệu	4.04 kg
Bao bì	0.10 kg
ất Sản x u	1.90 kg
Chuyên ch ở	0.26 kg
	6.30 kg CO2/ cặp

Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế	
Product	12%
Bao bì	99%

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính